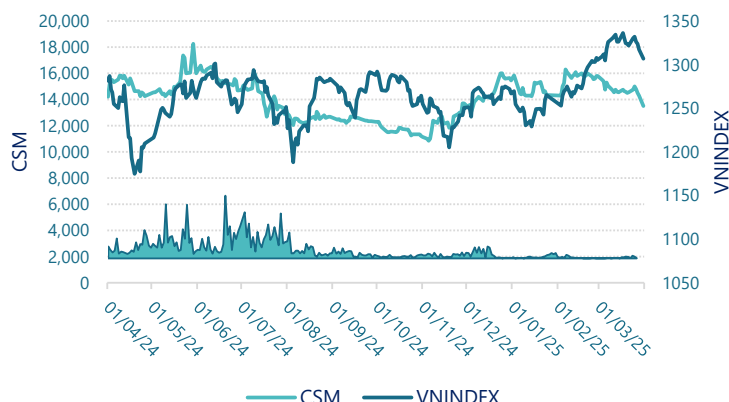


CTCP Công nghiệp cao su Miền Nam (HSX: CSM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,258
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,850
SL cổ phiếu LH	103,625,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)	914,680
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,399
P/E	18.4
EPS	734

DT thuần

Q1/25

1,021

tỷ VNĐ

QoQ: ▼171| -14.3%

YoY: ▼126| -11.0%

LN sau thuế

Q1/25

19.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.60| 51.8%

YoY: ▼0.30| -1.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.9%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2024

4,712

tỷ VNĐ

YoY: ▼523| -10.0%

LN sau thuế

2024

72.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.7| 19.4%

ROE

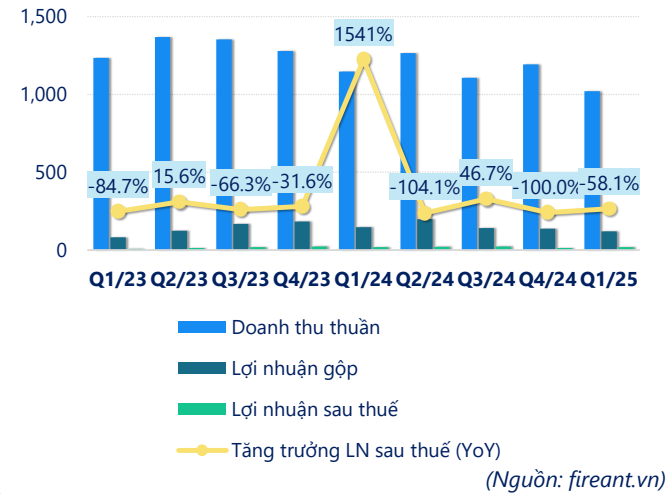
2024

5.4%

+/- YoY: ▲ 0.8%

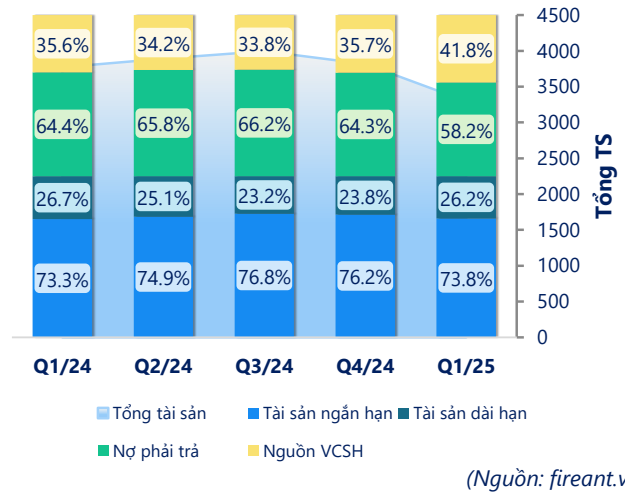
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

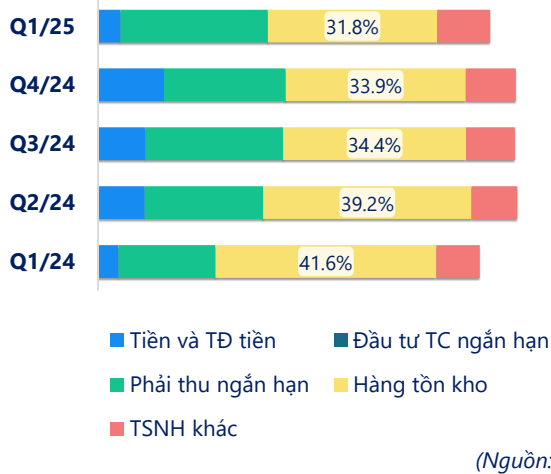


Cơ cấu Tổng tài sản

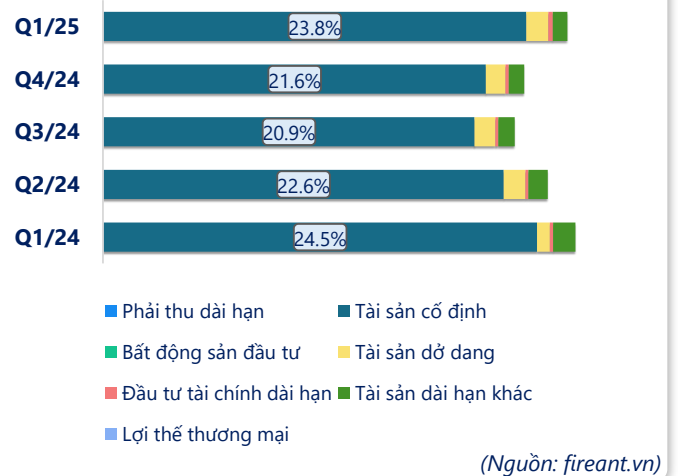
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

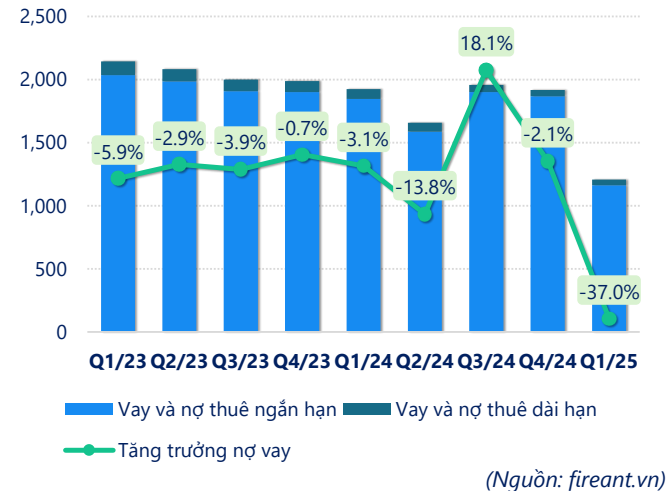


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



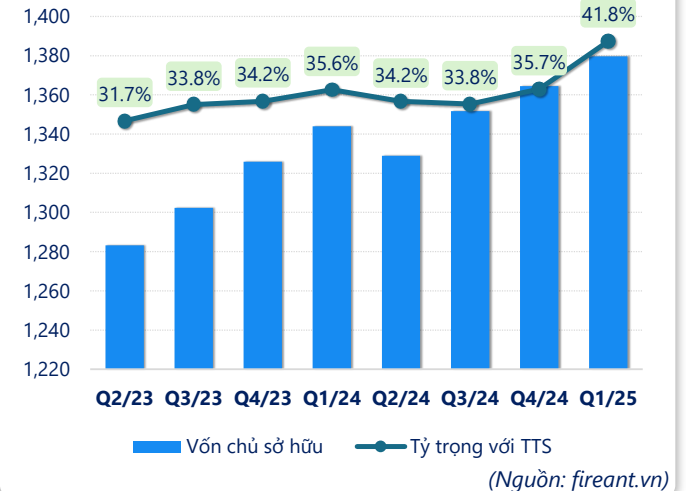
tỷ VNĐ

Nợ vay

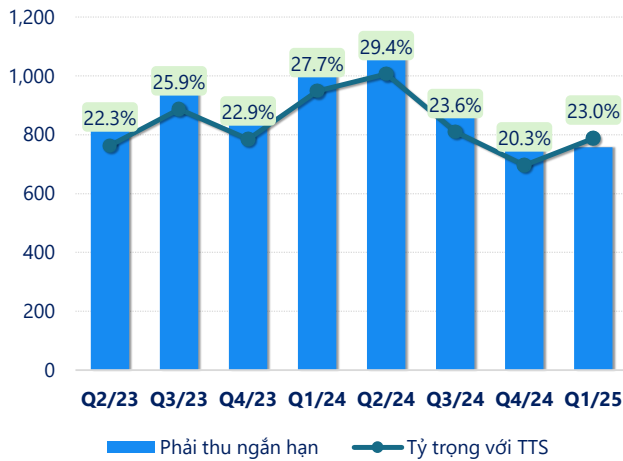


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

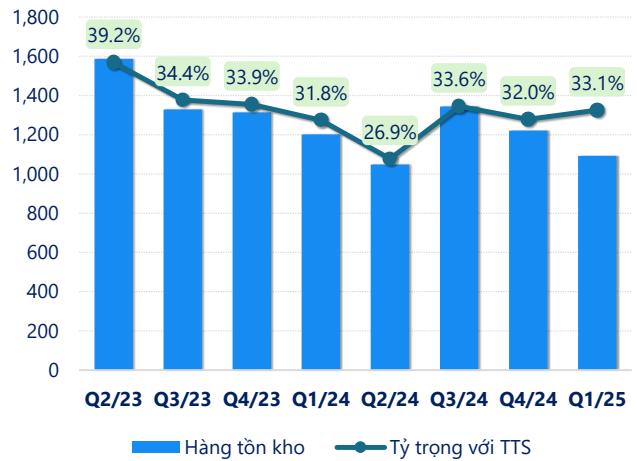


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


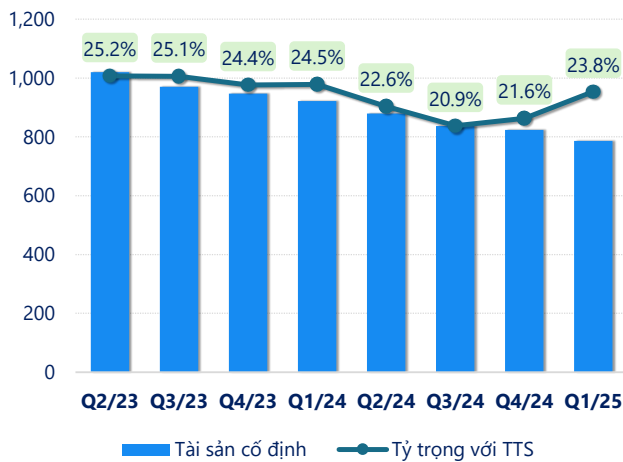
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


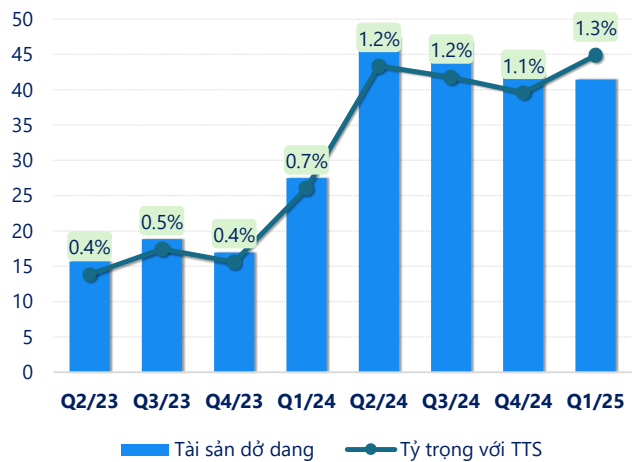
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

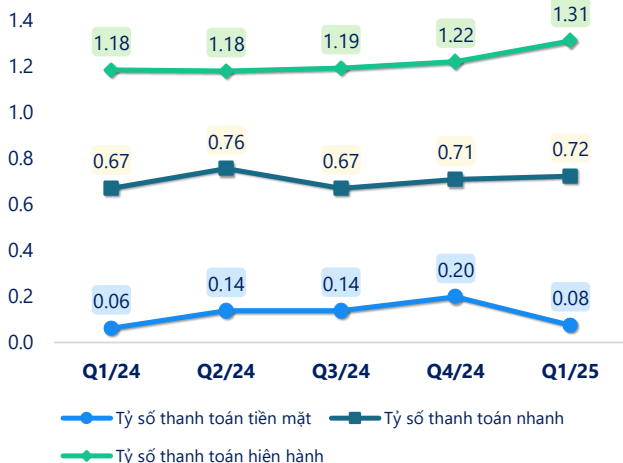
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

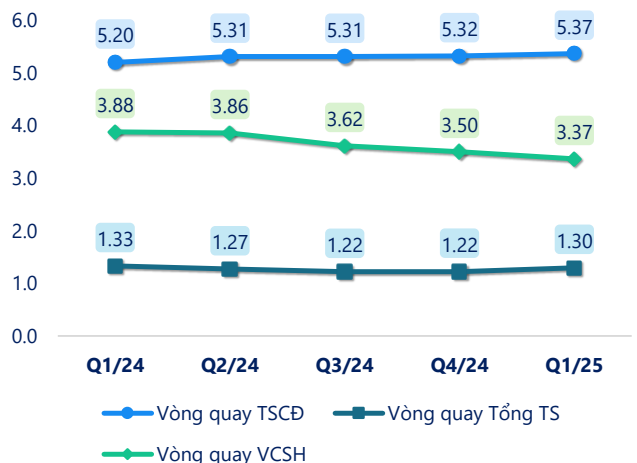
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	3,770	3,891	3,996	3,818	3,298
Tài sản ngắn hạn	2,765	2,914	3,068	2,910	2,433
Tiền và tương đương tiền	145	341	357	473	140
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,043	1,142	943	775	757
Hàng tồn kho	1,201	1,048	1,344	1,220	1,092
Tài sản ngắn hạn khác	376	383	424	441	444
Tài sản dài hạn	1,005	976	928	907	864
Phải thu dài hạn	0.99	0.99	0.99	0.99	0.99
Tài sản cố định	922	879	837	824	786
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	27.5	47.3	46.7	42.3	41.4
Đầu tư tài chính dài hạn	6.99	6.99	6.99	6.99	8.14
Tài sản dài hạn khác	47.6	42.3	36.5	33.3	27.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,426	2,562	2,644	2,453	1,918
Nợ ngắn hạn	2,334	2,469	2,571	2,383	1,856
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,848	1,587	1,902	1,868	1,163
Phải trả người bán ngắn hạn	270	512	337	265	452
Nợ dài hạn	92.3	92.7	73.4	70.4	62.4
Vay và nợ thuê dài hạn	77.1	71.0	56.5	48.7	44.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,344	1,329	1,352	1,364	1,380
Vốn chủ sở hữu	1,344	1,329	1,352	1,364	1,380
Vốn điều lệ	1,036	1,036	1,036	1,036	1,036
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)